

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chi hoạt động đánh giá năng lực Tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh Trường Cao đẳng Sơn La
Đợt thi ngày 22,23 tháng 07 năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1813/QLCL-QLT ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1766/ĐHSP-HTQT ngày 09/11/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên về việc cho phép sử dụng bộ ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-CĐSL ngày 21/5/2025 trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế thu năm 2025; Quyết định số 1000/QĐ-CĐSL ngày 16/10/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi, bổ sung) năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chi hoạt động đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh trường Cao đẳng Sơn La, đợt thi ngày 22,23/07/2026. Cụ thể như sau:

- Mức thu: Đối với lưu học sinh tham gia thi, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Việt tại trường Cao đẳng Sơn La là 1.500.000 đồng/lưu học sinh.

- Mức chi cho tổ chức thi, đánh giá và cấp chứng chỉ Tiếng Việt tại trường Cao đẳng Sơn La theo Phụ lục số 01 (có Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Mức thu, chi này được áp dụng cho hoạt động đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh tại trường Cao đẳng Sơn La, đợt thi ngày 22,23/07/2026.

Điều 3. Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Bồi dưỡng, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu (B/c);
- Như Điều 3 (Để t/h);
- Lưu: VT, KTCL, KHTC (3).



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

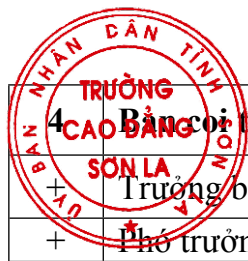


Phụ lục số 01

DU TOÁN THU - CHI HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT

(Kèm theo Quyết định số 567/QĐ-CĐSL ngày 16 tháng 07 năm 2026)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Định mức (đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Mức thu với LHS, LHV Lào là thí sinh tự do	đồng/thí sinh/đợt thi	30		1.500.000	45.000.000
2	Kinh phí NSNN hỗ trợ đối với LHS, LHV Lào thuộc diện đào tạo hệ ngân sách	đồng/thí sinh/đợt thi	40		1.500.000	60.000.000
II	CHI PHÍ TỔ CHỨC KỲ THI					
1	Công tác đề thi, in sao đề					43.675.400
+	Hợp đồng sử dụng ngân hàng câu hỏi thi	Hợp đồng	1		30.000.000	30.000.000
+	In sao đề thi	Người/đề	70		20.000	1.400.000
+	Xăng xe phục vụ vận chuyển đề thi (lượt trả về)	Lít	170		20.810	3.537.700
+	Xăng xe vận chuyển đề thi (1 lượt nhận đề)	Lít	170		20.810	3.537.700
+	CTP cán bộ đi nhận đề thi (1 lượt nhận đề)	Người/ngày	4	3		5.200.000
2	Hội đồng thi					5.050.000
+	Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	5	350.000	1.750.000
+	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	1	300.000	300.000
+	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	5	300.000	1.500.000
+	Ủy viên	Người/ngày	1	1	250.000	250.000
+	Ủy viên	Người/ngày	1	5	250.000	1.250.000
3	Ban Thư ký					3.000.000
+	Trưởng ban Thư ký	Người/ngày	1	5	350.000	1.750.000
+	Ủy viên	Người/ngày	1	5	250.000	1.250.000



4	Ban coi thi					4.650.000
+	Trưởng ban	Người/ngày	1	2	350.000	700.000
+	Phó trưởng ban	Người/ngày	1	2	250.000	500.000
+	Cán bộ giám thị, giám sát tại phòng thi Nghe - Đọc - Viết	Người/ngày	7	1	250.000	1.750.000
+	Giám thị tại phòng chờ buổi thi Nói	Người/ngày	2	1	250.000	500.000
+	Phục vụ (y tế, bảo vệ, phục vụ, trực điện nước, kỹ thuật)	Người/ngày	6	2	100.000	1.200.000
5	Ban chấm thi					7.000.000
+	Trưởng ban	Người/ngày	1	2	450.000	900.000
+	Phó trưởng ban	Người/ngày	1	2	400.000	800.000
+	Phục vụ (bảo vệ, kỹ thuật)	Người/ngày	2	2	100.000	400.000
+	Cán bộ chấm thi kỹ năng Nghe-Đọc-Viết	Người/ngày	4	2	350.000	2.800.000
+	Cán bộ giám sát chấm thi kỹ năng Nghe-Đọc-Viết	Người/ngày	1	2	350.000	700.000
+	Cán bộ chấm thi kỹ năng Nói	Người/ngày	4	1	350.000	1.400.000
6	Công tác in ấn, cấp phát chứng chỉ					280.000
+	Phôi chứng chỉ	đồng/CC	70		4.000	280.000
7	Các khoản chi vật tư phục vụ kỳ thi					17.300.000
+	Ổ cứng lưu hình ảnh, âm thanh	Cái	1		4.200.000	4.200.000
+	VPP phục vụ thi (giấy thi, bút, giấy nháp, túi đựng bài thi, mực in,...)	Thí sinh	70		50.000	3.500.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, cà phê, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 22/7):	Người/buổi	23	2	50.000	2.300.000



	23 người x 2 buổi/ngày)					
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 23/7): 23 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	23	2	50.000	2.300.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 24/7): 10 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	10	2	50.000	1.000.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 25/7): 20 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	20	2	50.000	2.000.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 26/7): 20 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	20	2	50.000	2.000.000
8	Các khoản chi cơ sở vật chất phục vụ kỳ thi					17.894.600
	Chi phí cơ sở vật chất (trang thiết bị, điện nước,...)					17.894.600
9	Các khoản trích nộp					900.000
+	Trích nộp thuế theo quy định	%	2		45.000.000	900.000
10	Công tác quản lý chung					5.250.000
+	Chi quản lý chung	%	5		105.000.000	5.250.000
	II = 1++10					105.000.000